TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM SÁCH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 14-7-2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tuấn;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Minh Trang và bà Trần Thị Liên.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Mai Hoa - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị La - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2017 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2017/QĐST-HNGĐ ngày 16/6/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990;

Địa chỉ cư trú: Thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1985;

Địa chỉ cư trú: Thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Trần Xuân V, sinh năm 1958;

Địa chỉ cư trú: Thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

2. Cụ Nguyễn Thị P, sinh năm 1925;

Địa chỉ cư trú: Thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

3. Bà Vũ Thị H, sinh năm 1972;

Địa chỉ cư trú: Thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H xác định: Chị và anh Trần Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 12/10/2010, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Đ thường xuyên đánh bạc, uống rượu bia, không có trách nhiệm với gia đình và vợ, con. Từ đó, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã. Mỗi lần vợ chồng cãi nhau là anh Đ lại chửi mắng, đánh và đuổi chị về nhà bố mẹ đẻ chị. Tháng 9/2016, chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ cho đến nay. Từ đó, anh Đ không sang tìm gặp, nói chuyện hay đón chị về để vợ chồng đoàn tụ. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có 01 con chung là Trần Thanh V, sinh ngày 29/11/2012. Hiện nay, cháu Trần Thanh V đang ở với chị. Chị H đề nghị Tòa án giao cháu Trần Thanh V cho chị tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã thông báo thụ lý vụ án, triệu tập anh Trần Văn Đ đến Toà án để viết bản tự khai, đồng thời thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Đ cố ý vắng mặt, từ chối giao nộp bản ý kiến, tài liệu chứng cứ của mình đối với yêu cầu được ly hôn của chị H.

Bà Vũ Thị H (Mẹ đẻ chị H) xác định: Sau khi cưới, anh Đ và chị H chung sống tại gia đình nhà chồng. Trong quá trình vợ chồng chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là anh Đ thường xuyên đánh bạc, uống rượu. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Gia đình hai bên cùng với chị H đã nhiều lần khuyên giải và cho anh Đ cơ hội để sửa chữa nhưng anh Đ vẫn không thay đổi. Khoảng tháng 8/2016, chị H đã về sống cùng với gia đình bà cho đến nay. Chị H có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị H. Hiện nay con chung

của chị H và anh Đ đang sống cùng với chị H tại gia đình bà. Bà Vũ Thị H đề nghị Tòa án giao con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, vì cháu Trần Thanh V còn nhỏ, cháu đang ở với chị H ổn định. Nếu chị H được nuôi con chung, gia đình bà sẽ tạo mọi điều kiện về ăn, ở, sinh hoạt cho hai mẹ con chị H.

Cụ Nguyễn Thị P (Bà nội anh Đ - hiện đang sống cùng với gia đình anh Đ) và ông Trần Xuân V (Bố đẻ anh Đ) xác định: Sau khi cưới, anh Đ và chị H chung sống tại gia đình nhà chồng. Hiện nay, anh Đ đang chung sống cùng với gia đình, còn chị H đã về nhà bố mẹ đẻ. Quá trình anh Đ, chị H chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ đi làm ăn xa nhưng chơi bời, không mang tiền về cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đánh nhau. Nguyện vọng của gia đình vẫn mong muốn vợ chồng anh Đ về đoàn tụ, nếu chị H cương quyết xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị H. Hiện nay, cháu Trần Thanh V đang do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H vẫn thường xuyên cho cháu Trần Thanh V về chơi với ông bà nội và anh Đ. Việc giao cháu Trần Thanh V cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, gia đình không có ý kiến gì.

Ông Đồng Đặng H (Phó trưởng thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương) xác định: Trong thời gian chị H, anh Đ chung sống, ông có nghe phản ánh của mọi người là vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ chơi bời nên vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau.

Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử quyết định cho chị ly hôn anh Đ; giao con chung là cháu Trần Thanh V cho chị tiếp tục nuôi dưỡng và anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Trần Thanh V theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách xác định: Quá trình thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thời hạn đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Đ không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên đã không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhưng anh Đ vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, việc Tòa án xét xử vắng mặt anh Đ là đúng quy định. Về hướng giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu của chị H. Áp dụng khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội: Về quan

hệ vợ chồng xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Văn Đ; về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Trần Thanh V, sinh ngày 29/11/2012, anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị H là 650.000 đồng/tháng; về án phí: Chị H phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn; anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Về thủ tục tố tụng: Quá trình chuẩn bị xét xử, Toà án đã thông báo thụ lý vụ án, triệu tập anh Trần Văn Đ đến Toà án để viết bản tự khai, đồng thời thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Đ cố ý vắng mặt, không chấp hành quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh Đ vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án quyết định xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 12/10/2010, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng trong việc phát triển làm ăn kinh tế gia đình. Bản thân anh Đ thường xuyên đánh bạc, uống rượu bia. Chị H cùng hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Đ không thay đổi. Từ tháng 9/2016 đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm tới ai. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị H và anh Đ là trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử chị Nguyễn Thị H ly hôn với anh Trần Văn Đ là phù hợp pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị H, anh Đ có 01 con chung là cháu Trần Thanh V, sinh ngày 29/11/2012. Hiện nay, cháu Trần Thanh V đang do chị H nuôi dưỡng từ tháng 9/2016 đến nay. Chị H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và đề nghị anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định sau khi ly hôn vợ, chồng vẫn có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa

thành niên … Hội đồng xét xử xét thấy cháu Trần Thanh V hiện nay vẫn còn nhỏ, cuộc sống của cháu đang ổn định cùng với chị H, sau khi đưa con về nhà bố mẹ đẻ sống, chị H vẫn thường xuyên đưa cháu Trần Thanh V về chơi, thăm ông bà nội và anh Đ. Vì vậy, việc giao cháu Trần Thanh V cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của chị H là phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế. Xét thấy, chị H đề nghị Tòa án buộc anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp pháp luật, vì vậy Hội đồng xét xử buộc anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 650.000đ.

[4] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án xem xét, vì vậy Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[5] Theo Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp án phí và lệ phí Toà án, chị H có đơn yêu cầu ly hôn nên phải nộp án phí sơ thẩm vụ án ly hôn; anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Trần Văn Đ.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H, giao con chung là Trần Thanh V, sinh ngày 29/11/2012 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H: Buộc anh Trần Văn Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng cho chị H là 650.000 *(Sáu trăm năm mươi nghìn)* đồng/tháng, kể từ tháng 7/2017. Anh Trần Văn Đ được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Áp dụng Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp án phí và lệ phí Toà án:

- Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình, được đối trừ 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AB/2014/008493 ngày 03/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Sách. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí;

- Anh Trần Văn Đ phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho chị H biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đ vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Nam Sách;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã N; huyện N;*
- *Chi cục THADS huyện Nam Sách;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Vũ Thanh Tuấn